

KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỐI VỚI THÍ SINH THAM GIA
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GD&ĐT HUYỆN QUẢNG NINH NĂM 2019
BÀN PHÒNG VẤN SỐ 01 - KHỐI TIỂU HỌC

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
1	1	Hoàng Thị Phương Anh	Nữ	13/02/1997	Lương Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			35.0	35.0		
2	2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Nữ	01/3/1996	Gia Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			90.0	90.0	x	
3	3	Đình Thị Thu Anh	Nữ	23/3/1997	TT Quy Đạt - Minh Hóa - Quảng Bình	TH01			47.0	47.0		
4	4	Phan Thị Minh Châu	Nữ	01/3/1996	Văn Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01			45.0	45.0		
5	5	Phạm Thị Khánh Chi	Nữ	22/01/1993	Hiền Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			88.0	88.0	x	
6	6	Lê Văn Chương	Nam	25/7/1996	Duy Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			73.0	73.0		
7	7	Nguyễn Thị Thanh Dung	Nữ	08/5/1987	Duy Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			74.0	74.0		
8	8	Lê Thị Dung	Nữ	18/6/1994	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			60.0	60.0		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đôi trọng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
9	9	Nguyễn Thùy Dương	Nữ	14/10/1997	Gia Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			40.0	40.0		
10	10	Nguyễn Thị Hạ	Nữ	03/3/1997	Vĩnh Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			45.0	45.0		
11	11	Nguyễn Thị Hiến	Nữ	28/4/1996	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			44.0	44.0		
12	12	Võ Thị Hiền	Nữ	26/12/1995	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			87.0	87.0	x	
13	13	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	14/9/1996	Ngân Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01			20.0	20.0		
14	14	Võ Thị Khánh Hòa	Nữ	28/4/1996	Bắc Lý - Đồng Hới - Quảng Bình	TH01			20.0	20.0		
15	15	Ngô Thị Thu Hoài	Nữ	02/3/1993	Quảng Long - TX Ba Đồn - Quảng Bình	TH01			25.0	25.0		
16	16	Võ Khắc Hoan	Nữ	01/01/1990	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			70.0	70.0		
17	17	Hồ Thị Hồng	Nữ	19/02/1993	Mai Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	TH01			40.0	40.0		
18	18	Hoàng Thị Huân	Nữ	06/02/1993	Hàm Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			35.0	35.0		
19	19	Lê Thị Hường	Nữ	14/11/1997	Hồng Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01			45.0	45.0		
20	20	Phan Thị Thu Hường	Nữ	29/9/1996	Đồng Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	TH01			40.0	40.0		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
21	21	Trương Thị Thanh	Huyền	Nữ	10/5/1997	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01		51.0	51.0		
22	22	Hà Thị Minh	Khang	Nữ	03/5/1993	Vĩnh Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01		90.0	90.0	x	
23	23	Võ Thị	Kính	Nữ	30/4/1989	Tân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01		60.0	60.0		
24	24	Lê Thị Phương	Lan	Nữ	05/9/1983	Vạn Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01		69.5	69.5		
25	25	Nguyễn Thị	Lệ	Nữ	30/10/1997	Triệu An - Triệu Phong - Quảng Trị	TH01		35.0	35.0		
26	26	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	09/8/1997	Lộc Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01		35.5	35.5		
27	27	Trương Thị Ngọc	Linh	Nữ	12/6/1997	Võ Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01		25.0	25.0		
28	28	Hoàng Thị Diệu	Lương	Nữ	04/3/1996	Đức Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	TH01		30.0	30.0		
29	29	Võ Thị	Luyên	Nữ	06/6/1996	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01		20.0	20.0		
30	30	Võ Thị	Lý	Nữ	23/6/1997	Hưng Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01		25.0	25.0		
31	31	Trần Nữ Tiểu	My	Nữ	13/12/1995	Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01		90.0	90.0	x	
32	32	Phạm Thị	Mỹ	Nữ	02/6/1996	Võ Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01		20.0	20.0		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
33	33	Võ Thị Ngọc	Nữ	07/5/1994	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			88.0	88.0	x	
34	34	Trần Thị Thảo Ngọc	Nữ	02/8/1995	Sơn Trạch - Bố Trạch - Quảng Bình	TH01			10.0	10.0		

Danh sách này gồm có: 34 người./.

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ngọc Huân

**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỐI VỚI THÍ SINH THAM GIA
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GD&ĐT HUYỆN QUẢNG NINH NĂM 2019**

BÀN PHÒNG VẤN SỐ 02 - KHỐI TIỂU HỌC

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
1	35	Lê Hữu Nguyên	Nam	08/10/1985	Hàm Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01	Con TB	5.0	36.0	41.0		
2	36	Đình Thị Thu Nguyệt	Nữ	08/8/1997	Trung Hóa - Minh Hóa - Quảng Bình	TH01	Con BB	5.0	30.0	35.0		
3	37	Nguyễn Thị Thanh Nhã	Nữ	16/11/1997	Ngư Thủy Bắc - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01			51.0	51.0		
4	38	Phạm Thị Thanh Nhân	Nữ	24/8/1997	Võ Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			53.0	53.0		
5	39	Từ Thị Việt Như	Nữ	20/7/1995	Tân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			92.0	92.0	x	
6	40	Lê Thị Hồng Nhung	Nữ	08/7/1996	Lương Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			88.0	88.0	x	
7	41	Trương Thị Hồng Nhung	Nữ	25/02/1996	Bắc Lý - Đồng Hới - Quảng Bình	TH01			30.0	30.0		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
8	42	Trần Thị Quý Phi	Nữ	05/11/1996	Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			59.0	59.0		
9	43	Võ Thị Phước	Nữ	03/01/1996	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			89.0	89.0	x	
10	44	Hoàng Thị Phương	Nữ	10/10/1995	Hưng Trạch - Bồ Trạch - Quảng Bình	TH01			32.0	32.0		
11	45	Trương Thị Mai Phương	Nữ	21/11/1995	Võ Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			26.0	26.0		
12	46	Đặng Thị Hoài Phượng	Nữ	31/10/1997	Đức Ninh - TP. Đồng Hới - Quảng Bình	TH01			16.0	16.0		
13	47	Trần Thị Sâm	Nữ	11/10/1996	Xuân Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01			16.0	16.0		
14	48	Dương Thị Hồng Thắm	Nữ	06/02/1997	Sơn Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01			10.0	10.0		
15	49	Nguyễn Thị Hồng Thắng	Nữ	09/5/1994	Quảng Phú - Quảng Trạch - Quảng Bình	TH01		Không tham gia phỏng vấn				
16	50	Dương Thị Thơ	Nữ	20/5/1996	Đồng Trạch - Bồ Trạch - Quảng Bình	TH01			22.0	22.0		
17	51	Nguyễn Thị Thương	Nữ	28/3/1997	Mỹ Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01			13.0	13.0		
18	52	Đoàn Thị Thúy	Nữ	23/02/1996	Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			24.0	24.0		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
19	53	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	20/11/1995	Mai Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	TH01		Không tham gia phỏng vấn				
20	54	Trần Thị Thùy Tiên	Nữ	16/5/1997	Gia Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			14.0	14.0		
21	55	Đinh Thị Trà	Nữ	05/01/1997	Thanh Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	TH01			19.0	19.0		
22	56	Nguyễn Ngọc Trâm	Nữ	01/9/1995	Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			26.0	26.0		
23	57	Đào Thị Hồng Trang	Nữ	20/02/1993	Hàm Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			54.0	54.0		
24	58	Nguyễn Thị Trang	Nữ	06/01/1997	Hàm Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			10.0	10.0		
25	59	Trần Thị Trinh	Nữ	15/6/1995	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			86.0	86.0	x	
26	60	Trần Thị Tú	Nữ	12/8/1989	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			15.0	15.0		
27	61	Đoàn Thị Tuyết	Nữ	04/5/1995	Đức Hóa - Tuyên Hóa - Quảng Bình	TH01	Con BB		51.0	51.0		
28	62	Lê Thị Thanh Uyên	Nữ	11/4/1991	Lương Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			62.0	62.0		
29	63	Từ Thị Thúy Vân	Nữ	06/9/1988	Gia Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			72.0	72.0		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
30	64	Mai Thị Hiền Vi	Nữ	24/10/1997	Vĩnh Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			33.0	33.0		
31	65	Nguyễn Thị Yến	Nữ	18/10/1987	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH01			27.0	27.0		
32	1	Võ Hồng Đăng	Nam	20/11/1990	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH02			87.0	87.0	x	
33	2	Hồ Thị Thành	Nữ	12/02/1994	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH02	Người DT thiểu số (Vân Kiều); Cử tuyển		28.0	28		
34	1	Vũ Thị Thảo Ly	Nữ	26/5/1995	Hóa Hợp - Minh Hóa - Quảng Bình	TH03			25.0	25.0		
35	2	Lê Thị Hồng Nhật	Nữ	09/5/1990	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	TH03			90.0	90.0	x	

Danh sách này gồm có: 35 người./.

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Huân

**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỐI VỚI THÍ SINH THAM GIA
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GD&ĐT HUYỆN QUẢNG NINH NĂM 2019
BÀN PHÒNG VẤN SỐ 03 - KHỐI MẦM NON**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
1	1	Nguyễn Thị Quỳnh An	Nữ	14/01/1995	Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			91.0	91.0	x	
2	2	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Nữ	04/12/1993	TT Kiến Giang - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN01		Không tham gia phỏng vấn				
3	3	Nguyễn Thị Bé	Nữ	10/11/1993	Tân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01	Con TB	5.0	20.0	25.0		
4	4	Võ Thị Bé	Nữ	26/3/1997	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			20.0	20.0		
5	5	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Nữ	07/02/1997	Xuân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			15.0	15.0		
6	6	Nguyễn Thị Hà	Nữ	24/4/1994	Mai Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN01			10.0	10.0		
7	7	Phạm Thị Hải	Nữ	02/6/1984	Lương Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			87.0	87.0	x	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
8	8	Đinh Thị Hảo	Nữ	15/5/1995	Xuân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01		Không tham gia phỏng vấn				
9	9	Đỗ Thị Thu Hoài	Nữ	30/5/1989	Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			90.0	90.0	x	
10	10	Đinh Thị Thanh Huyền	Nữ	25/5/1993	Bắc Lý - Đồng Hới - Quảng Bình	MN01			10.0	10.0		
11	11	Hoàng Thị Huyền	Nữ	02/12/1986	Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			50.0	50.0		
12	12	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	16/5/1986	Duy Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			87.0	87.0	x	
13	13	Trần Thị Lệ Huyền	Nữ	19/8/1995	Tân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			70.0	70.0		
14	14	Nguyễn Thị Liễu	Nữ	12/12/1995	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			93.0	93.0	x	
15	15	Nguyễn Thị Hải Lương	Nữ	04/12/1990	Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01	Con TB	5.0	75.0	80.0		
16	16	Trần Thị Luyên	Nữ	18/12/1996	Tân Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN01			15.0	15.0		
17	17	Nguyễn Thị Hồng Mơ	Nữ	26/9/1994	Sơn Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN01		Không tham gia phỏng vấn				
18	18	Bùi Thị Nga	Nữ	16/01/1995	Lộc Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN01			25.0	25.0		
19	19	Võ Thị Nga	Nữ	15/11/1997	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01		Không tham gia phỏng vấn				

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đôi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
20	20	Nguyễn Thị Nguyễn	Nữ	03/6/1990	Duy Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01		Không tham gia phỏng vấn				
21	21	Trần Thị Hà Nhi	Nữ	17/11/1995	Tân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			20.0	20.0		
22	22	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nữ	08/5/1991	Hàm Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			90.0	90.0	x	
23	23	Đình Thị Kim Oanh	Nữ	08/10/1996	Thượng Hóa - Minh Hóa - Quảng Bình	MN01			15.0	15.0		
24	24	Nguyễn Thị Oanh	Nữ	11/12/1996	Hàm Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			10.0	10.0		
25	25	Hoàng Thị My Pha	Nữ	20/7/1993	Võ Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			30.0	30.0		
26	26	Trương Thị Hoài Phương	Nữ	11/4/1997	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			70.0	70.0		

1000

Danh sách này gồm có: 26 thí sinh./.

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Huân

**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỐI VỚI THÍ SINH THAM GIA
KỶ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GD&ĐT HUYỆN QUẢNG NINH NĂM 2019
BÀN PHÒNG VẤN SỐ 04 - KHỐI MÀM NON**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đôi tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
1	27	Bùi Thị Lệ Quyên	Nữ	22/4/1996	Quán Hào - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			0.0	0.0		
2	28	Nguyễn Thị Quỳnh	Nữ	17/02/1984	Phú Hải - Đồng Hới - Quảng Bình	MN01			20.0	20.0		
3	29	Nguyễn Thanh Tâm	Nữ	13/9/1997	Hiền Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			25.0	25.0		
4	30	Cao Thị Phương Thảo	Nữ	02/9/1997	Trung Hóa - Minh Hóa - Quảng Bình	MN01			5.0	5.0		
5	31	Phạm Thị Thu	Nữ	07/7/1996	Quán Hào - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			22.5	22.5		
6	32	Lê Thị Hoài Thương	Nữ	08/3/1995	Quán Hào - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			50.0	50.0		
7	33	Lê Thị Thùy	Nữ	20/02/1981	Duy Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01			81.0	81.0	x	
8	34	Lê Ngọc Bích Thùy	Nữ	10/8/1997	Lương Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN01		Không tham gia phỏng vấn				

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đội tuyển ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
9	35	Trần Thị Lệ	Nữ	03/10/1995	Tân Ninh - Quảng Bình	MN01		93.5	93.5	93.5	x	
10	36	Trần Thị Minh	Nữ	02/10/1996	Hàm Ninh - Quảng Bình	MN01		30.0	30.0	30.0		
11	37	Phan Thị Minh	Nữ	09/10/1995	Tân Ninh - Quảng Bình	MN01		58.0	58.0	58.0		
12	38	Đinh Thị Hồng	Nữ	01/5/1995	Hòa Hợp - Minh Hòa - Quảng Bình	MN01	Con TB	5.0	34.0	39.0		
13	39	Hoàng Thị Xuân	Nữ	04/3/1996	Bảo Ninh - TP. Đồng Hới - Quảng Bình	MN01		Không tham gia phỏng vấn				
14	40	Đinh Thị Hồng	Nữ	20/3/1989	Quần Hậu - Quảng Bình	MN01		50.0	50.0	50.0		
15	41	Lê Thị Hải	Nữ	11/6/1995	An Ninh - Quảng Bình	MN01		87.0	87.0	87.0	x	
16	42	Nguyễn Thị Hải	Nữ	24/11/1997	Duy Ninh - Quảng Bình	MN01			40.0	40.0		
17	43	Trương Thị Yên	Nữ	01/5/1997	An Ninh - Quảng Bình	MN01		85.0	85.0	85.0		
18	1	Phạm Thị Hương	Nữ	17/12/1997	Phong Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN02		0.0	0.0	0.0		
19	2	Phạm Thị Hằng	Nữ	10/10/1988	Gia Ninh - Quảng Bình - Ninh - Quảng Bình	MN02	Con TB	5.0	85.0	90.0	x	

/m

/kew

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
20	3	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	03/4/1996	Xuân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02		Không tham gia phỏng vấn				
21	4	Trần Thị Mỹ Hạnh	Nữ	30/12/1995	Hồng Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN02			66.0	66.0		
22	5	Lê Thị Hậu	Nữ	12/01/1985	Lương Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02		Không tham gia phỏng vấn				
23	6	Trương Thị Thu Hiền	Nữ	21/11/1993	Gia Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			87.0	87.0	x	
24	7	Nguyễn Thị Thu Hoài	Nữ	14/10/1983	Hải Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			80.0	80.0	x	
25	8	Hồ Thị Hồng	Nữ	18/10/1990	Xuân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02	Con BB	5.0	60.0	65.0		
26	9	Nguyễn Thị Lanh	Nữ	04/3/1995	Hải Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			90.0	90.0	x	

Danh sách này gồm có: 26 người./.

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Huân

**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN ĐỐI VỚI THÍ SINH THAM GIA
KỲ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP GD&ĐT HUYỆN QUẢNG NINH NĂM 2019
BÀN PHỎNG VẤN SỐ 05 - KHỐI MẦM NON**

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
1	10	Lê Thị Liên	Nữ	12/02/1996	Gia Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			84.0	84.0	x	
2	11	Bùi Thị Thùy Linh	Nữ	05/5/1996	Ngân Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN02			46.0	46.0		
3	12	Mai Thị Loàn	Nữ	30/4/1996	Hải Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			82.0	82.0	x	
4	13	Trần Thị Mai	Nữ	24/9/1996	Trường Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN02			41.0	41.0		
5	14	Lê Thị Trà My	Nữ	10/9/1995	Bảo Ninh - TP Đồng Hới - Quảng Bình	MN02			90.0	90.0	x	
6	15	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	Nữ	21/01/1997	Lương Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			63.0	63.0		
7	16	Phùng Thị Thanh Ngọc	Nữ	01/12/1996	Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			49.0	49.0		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
8	17	Nguyễn Thị Như	Nữ	27/02/1997	Thanh Thủy - Lệ Thủy - Quảng Bình	MN02			Không tham gia phỏng vấn			
9	18	Đặng Thị Hoài Nhung	Nữ	16/10/1998	Xuân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			25.0	25.0		
10	19	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	20/4/1998	Xuân Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			22.0	22.0		
11	20	Phan Thị Thảo	Nữ	24/9/1989	Hiền Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			21.0	21.0		
12	21	Chu Thị Thu	Nữ	21/4/1994	Hiền Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			29.0	29.0		
13	22	Lê Thị Thùy	Nữ	21/8/1990	Vạn Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			55.0	55.0		
14	23	Võ Thị Thùy	Nữ	05/9/1996	An Ninh - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			15.0	15.0		
15	24	Nguyễn Thị Tươi	Nữ	17/7/1994	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN02			83.0	83.0	x	
16	1	Hồ Thị Anh	Nữ	15/4/1996	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN03	Người DT thiểu số (Vân Kiều)	5.0	15.0	20.0		
17	2	Nguyễn Thị Biên	Nữ	12/01/1994	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN03			20.0	20.0		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
18	3	Trương Thị Thu Dung	Nữ	06/3/1995	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN03			50.0	50.0		
19	4	Trần Thị Hằng	Nữ	03/11/1987	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN03			93.0	93.0	x	
20	5	Hồ Thị My	Nữ	02/10/1992	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN03	Người DT thiểu số (Vân Kiều); Cử tuyển	5.0	20.0	25.0		
25	6	Trần Thị Như Ngọc	Nữ	02/6/1994	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN03			91.0	91.0	x	
21	7	Hồ Thị Quý	Nữ	29/9/1994	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN03	Người DT thiểu số (Vân Kiều); Cử tuyển	5.0	57.0	62.0	x	
22	8	Hồ Thị Thủy	Nữ	25/7/1989	Trường Xuân - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN03	Người DT thiểu số (Vân Kiều); Cử tuyển	5.0	42.0	47.0		
23	1	Nguyễn Thị Cốt	Nữ	07/3/1994	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN04	Người DT thiểu số (Vân Kiều); Cử tuyển	5.0	16.0	21.0		
24	2	Hồ Thị Khuyên	Nữ	16/10/1992	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN04	Người DT thiểu số (Vân Kiều); Cử tuyển	5.0	5.0	10.0		

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Nơi thường trú	Mã số dự tuyển	Đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên	Điểm phỏng vấn	Tổng điểm	Dự kiến trúng tuyển	Ghi chú
26	3	Hoàng Thị Tuyền	Nữ	12/6/1992	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN04	Người DT thiểu số (Vân Kiều); Cử tuyển	5.0	5.0	10.0		
27	4	Hồ Thị Vĩ	Nữ	10/7/1992	Trường Sơn - Quảng Ninh - Quảng Bình	MN04	Người DT thiểu số (Vân Kiều); Cử tuyển	5.0	58.0	63.0	x	

Danh sách này gồm có: 27 người./.

Quảng Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Huân